



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 162.../QĐ-ĐHQB ngày 14. tháng 03. năm 2019.
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình	: Công tác xã hội
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Công tác xã hội
Tên tiếng Anh	:
Mã số	: 7760101
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu tốt nghiệp	: Cử nhân Công tác xã hội

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội nhằm mục tiêu hỗ trợ sinh viên trở thành nhân viên CTXH chuyên nghiệp, có đam mê, lý tưởng sống, dám nghĩ, dám làm vì sự công bằng và tiến bộ xã hội, có phẩm chất đạo đức tốt, có lập trường chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có những năng lực cơ bản của người cán bộ CTXH như năng lực chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực CTXH; có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề xã hội. Hỗ trợ nâng cao năng lực cá nhân, nhóm và cộng đồng trong việc tự giải quyết những vấn đề xã hội; có năng lực cung cấp các dịch vụ CTXH chuyên nghiệp.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Về phẩm chất:

- Có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng, thấm nhuần thể giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có lòng yêu nước và tình yêu thương con người.

- Có phẩm chất đạo đức nghề Công tác xã hội, tâm huyết với nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có tác phong mẫu mực, tận tụy vì sự nghiệp an sinh xã hội và phát triển cộng đồng.

1.2.2. Về năng lực: Sau tốt nghiệp, sinh viên sẽ đạt được một số năng lực sau:

- Có năng lực chuyên môn: Hiểu biết sâu sắc kiến thức khoa học, hiểu biết sứ mệnh, vai trò, chức năng của nghề Công tác xã hội; Có kiến thức nền tảng về giá trị và triết lý nghề nghiệp; có hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành và liên ngành như Tâm lý học, Xã hội học, ... các lý thuyết và mô hình công tác xã hội.

- Có năng lực hoạt động thực tiễn: Biết vận dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp CTXH ở Việt Nam; nắm vững phương pháp trong làm việc với nhóm, cá nhân, cộng đồng.

- Có năng lực thực tiễn như triển khai hoạt động CTXH tại cộng đồng, phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Biết lựa chọn và sử dụng các phương pháp phù hợp để lượng giá các kết quả; biết phân tích, giám sát và lượng giá các tiến trình can thiệp và các kết quả đạt được, áp dụng các kết quả lượng giá được nhằm nâng cao hiệu quả thực hành CTXH.

- Có năng lực kết nối, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực; có năng lực hợp tác trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Có năng lực nghiên cứu và xây dựng chính sách xã hội, phân tích và thi hành chính sách, sự tác động của chính sách đến việc cung cấp và tiếp cận các dịch vụ xã hội và thúc đẩy việc thực hiện chính sách nhằm tăng cường quyền con người và công bằng xã hội; có năng lực phản biện xã hội.

- Có năng lực hỗ trợ các đối tượng công tác xã hội phát huy năng lực nội sinh để phát triển.

- Có năng lực sử dụng công cụ lao động như công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm.

- Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu.

- Có năng lực truyền thông và vận động chính sách xã hội.

- Có năng lực quản trị công tác xã hội.

- Có năng lực làm việc độc lập trong các lĩnh vực khác nhau như chính trị xã hội, giáo dục, pháp luật, kinh tế, văn hóa xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, môi trường, dân số, sức khỏe, truyền thông, ...

- Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

1.2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có trình độ Cử nhân CTXH, đạt chuẩn nghề nghiệp do Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định, có mã chức danh nghề nghiệp, có thể đảm nhiệm được các vị trí việc làm sau:

- CTXH trong doanh nghiệp, nghiệp đoàn, tổ chức hội đoàn, chăm sóc người lao động; chăm sóc, hỗ trợ khách hàng đặc biệt. Đây là hướng đi chuyên biệt của Khoa nhằm cung ứng nhân lực cho một số doanh nghiệp thành viên của Đại học Hòa Bình như Hãng Hàng không Vietjetair; Tập đoàn khách sạn nghỉ dưỡng Furama,...

- Công tác xã hội trong các tổ chức chính quyền, đoàn thể, xã hội, chăm lo an sinh xã hội và các cộng đồng nghèo, chậm phát triển, thực hiện công tác an sinh xã hội và tư vấn chính sách xã hội cho chính quyền, tổ chức chính trị, xã hội địa phương; Cán bộ hoạch định chính sách xã hội trong các tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến cơ sở.

- CTXH trong giáo dục đào tạo và y tế: Giáo dục và y tế là hai lĩnh vực cần phát triển các dịch vụ CTXH mạnh hiện nay. Phát triển CTXH trường học, chăm sóc trẻ em

có hoàn cảnh đặc biệt là một trong những định hướng phát triển CTXH hiện nay của nhà nước ta. Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, Khoa tập trung đào tạo nhân viên CTXH, phát triển dịch vụ xã hội chăm sóc sức khỏe tâm thần; chăm sóc người già; người khuyết tật, y tế cộng đồng).

- Trở thành cán bộ nghiên cứu/giảng dạy CTXH trong các trường trung cấp, cao đẳng, trường dạy nghề; Hoặc trở thành giảng viên giám sát thực hành nghề trong các trường đại học.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ B1 khung châu Âu (tương đương 450 điểm TOEIC hoặc 470 điểm TOEFL hoặc 4.5 IELTS).

1.2.5. Trình độ tin học: Sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

Có định hướng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao đẳng cấp năng lực làm việc vì sự phát triển của bản thân và sự phát triển của xã hội.

2. Thời gian và khối lượng kiến thức toàn khoá

2.1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và Kỹ năng mềm).

	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	31
2	Giáo dục chuyên nghiệp	97
	Kiến thức cơ sở ngành	22
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	65
	Tốt nghiệp (Khóa luận/thi chuyên đề)	10
Tổng cộng		128

3. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên

Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng

Có chứng chỉ giáo dục thể chất

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

5. Thang điểm

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau :

<i>STT</i>	<i>Loại</i>	<i>Thang điểm 10</i>	<i>Thang điểm chữ</i>	<i>Thang điểm 4</i>
1	Đạt	8,5 - 10	A	4,0
2	Đạt	7,0 - 8,4	B	3,0
3	Đạt	5,5 - 6,9	C	2,0
4	Đạt có điều kiện	4,0 - 5,4	D	1,0
5	Không đạt	Dưới 4,0	E	0,0

6. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
6.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương – 31TC									
1	11101 11102	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1,2	5	30	25	20			
2	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10			
3	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3	15	20	10			
4	11203	Pháp luật đại cương	2	30					
5	11401	Tiếng Anh 1	3	50	15	10			
6	11402	Tiếng Anh 2	3	50	15	10			
7	11403	Tiếng Anh 3	3	50	15	10			
8	11701	Tin học đại cương	4	15	20	10			
9	11505	Logic học đại cương	2	20	10				
10	11301	Tâm lý học đại cương	2	20	10				
11	18201	Xã hội học đại cương	2	20	10				
6.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp – 84TC									
6.2.1. Kiến thức cơ sở ngành – 22TC									
12	18202	Toán thống kê cho KHXH	2	20	5		5		
13	18203	Tiếng Anh chuyên ngành	3	25	10		10		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
14	18204	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30	10		5		
15	18205	Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống của nhân viên công tác xã hội	3	30	10		5		
16	18206	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	10	15		5		
17	18207	Công bằng xã hội và tiến bộ xã hội	3	25	15		5		
18	18208	Tâm lý học xã hội	3	20	15		10		
19	18209	Tâm lý học phát triển	3	20	15		10		
6.2.2. Khối lượng kiến thức chuyên ngành – 65TC									
		Bắt buộc	47						
20	18210	Nhập môn công tác xã hội	3	20	15		10		
21	18211	Chính sách xã hội	3	20	15		10		
22	18212	An sinh xã hội	3	20	15		10		
23	18213	Lý thuyết công tác xã hội	3	20	15		10		
24	18214	Sức khỏe cộng đồng	3	20	15		10		
25	18215	Pháp luật Việt Nam về các vấn đề xã hội	2	15	10		5		
26	18216	Công tác xã hội cá nhân	3	20	15		10		
27	18217	Công tác xã hội nhóm	3	20	15		10		
28	18218	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3	20	15		10		
29	18219	Tham vấn và tham vấn trong công tác xã hội	3	15	20		10		
30	18220	Đạo đức học và đạo đức nghề công tác xã hội	3	20	15		10		
31	18221	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	3	20	15		10		
32	18222	CTXH trong doanh nghiệp	3	20	15		10		
33	18223	Thực hành công tác xã hội 1	3	5	20		20		
34	18224	Thực hành công tác xã hội 2	3	5	20		20		
35	18225	Thực hành công tác xã hội 3	3	5	20		20		
		Tự chọn	18						

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
36	18226	Quản trị học và quản trị công tác xã hội	3	20	15		10		
37	18227	Xây dựng và quản lý, phát triển dự án Công tác xã hội	3	15	10		20		
38	18228	Công tác xã hội trường học	3	20	15		10		
39	18229	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	3	20	15		10		
40	18230	Công tác xã hội trong ngành y	3	20	15		10		
41	18231	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	20	15		10		
42	18232	CTXH với người khuyết tật và nạn nhân chiến tranh	3	20	15		10		
43	18233	Giới và CTXH về giới	3	20	15		10		
44	18234	Gia đình học và CTXH gia đình	3	20	15		10		
45	18235	Công tác dân số và sức khỏe sinh sản thành niên và vị thành niên	3	20	15		10		
46	18236	Công tác xã hội với người cao tuổi	3	20	15		10		
47	18237	Dân tộc học và CTXH dân tộc thiểu số	3	20	15		10		
48	18238	CTXH trong các tổ chức chính trị - xã hội	3	20	15		10		
49	18239	CTXH trong thảm họa thiên tai	3	15	15		15		
6.3. Tốt nghiệp (Khóa luận/thi chuyên đề) - 10 TC									
50	18240	Thực tập tốt nghiệp	4						
51	18241	Khóa luận hoặc thi chuyên đề	6						
6.4. Kiến thức không tích lũy - 16TC									
52	11801	Giáo dục thể chất	4						
53	11901	Giáo dục QPAN	8						
54	11302 11303	Kỹ năng mềm 1,2	4						

7. Kế hoạch đào tạo dự kiến


TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	Kiến thức giáo dục đại cương									
1	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1,2	5	2	3						
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
3	Đường lối CM ĐCSVN	3				3				
4	Pháp luật đại cương	2	2							
5	Tiếng Anh 1	3	3							
6	Tiếng Anh 2	3		3						
7	Tiếng Anh 3	3			3					
8	Tin học đại cương	4	4							
9	Logic học đại cương	2		2						
10	Tâm lý học đại cương	2	2							
11	Xã hội học đại cương	2	2							
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
	Kiến thức cơ sở ngành									
12	Toán thống kê cho KHXH	2		2						
13	Tiếng Anh chuyên ngành	3				3				
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3						
15	Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống của nhân viên công tác xã hội	3		3						
16	Hành vi con người và môi trường xã hội	2			2					
17	Công bằng xã hội và tiến bộ xã hội	3			3					
18	Tâm lý học phát triển	3			3					
19	Tâm lý học xã hội	3			3					
	Kiến thức chuyên ngành									
	Bắt buộc									
	Nhập môn công tác xã hội	3			3					
	Chính sách xã hội	3				3				
	An sinh xã hội	3					3			
	Lý thuyết công tác xã hội	3				3				
	Sức khỏe cộng đồng	3					3			
	Pháp luật Việt Nam về các vấn đề xã hội	2				2				
	Công tác xã hội cá nhân	3					3			
	Công tác xã hội nhóm	3					3			
	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3				3				
	Tham vấn và tham vấn trong công tác xã hội	3						3		
	Đạo đức học và đạo đức nghề công tác xã hội	3							3	

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	3							3	
	CTXH trong doanh nghiệp	3							3	
30	Thực hành công tác xã hội 1	3				3				
31	Thực hành công tác xã hội 2	3					3			
32	Thực hành công tác xã hội 3	3						3		
	Tự chọn	18								18
33										
34	Quản trị học và quản trị công tác xã hội	3								
35	Xây dựng và quản lý, phát triển dự án Công tác xã hội	3								
36	Công tác xã hội trường học	3								
37	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	3								
38	Công tác xã hội trong ngành y	3								
39	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3								
40	CTXH với người khuyết tật và nạn nhân chiến tranh	3								
41	Giới và CTXH về giới	3								
42	Gia đình học và CTXH gia đình	3								
43	Công tác dân số và sức khỏe sinh sản thành niên và vị thành niên	3								
44	Công tác xã hội với người cao tuổi	3								
45	Dân tộc học và CTXH dân tộc thiểu số	3								
46	CTXH trong các tổ chức chính trị - xã hội	3								
47	CTXH trong thảm họa thiên tai	3								
	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10								
48	Thực tập tốt nghiệp	4								4
49	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
50	Giáo dục thể chất		x	x						
51	Giáo dục quốc phòng - An ninh				x					
52	Kỹ năng mềm 1,2	4	4							
	Cộng	128	15	16	19	20	15	15	18	10

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên tôn trọng “thực học, thực hành”.

- Áp dụng các phương pháp dạy – học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

BAO

